

## **NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở CÁC HUYỆN VÙNG NÚI CAO TỈNH NGHỆ AN**

**Đặng Văn Hải**

*Công đoàn ngành Giáo dục Nghệ An, Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An*

Ngày nhận bài 19/05/2019, ngày nhận đăng 26/8/2020

**Tóm tắt:** Giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở luôn nhận được sự quan tâm rất lớn của các cấp quản lý, các nhà trường, của phụ huynh học sinh và cả xã hội, đặc biệt là tại địa bàn vùng núi cao. Việc thực hiện tốt nội dung này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục phổ thông nói chung, chất lượng giáo dục miền núi nói riêng. Cụ thể: góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hạn chế tình trạng di dân tự do, xóa đói giảm nghèo, góp phần ổn định an ninh quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương, theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; tạo cơ hội thuận lợi cho mỗi người lao động không ngừng phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường của cá nhân.

**Từ khóa:** Hướng nghiệp; phân luồng; học sinh; trung học cơ sở; vùng núi cao; dân tộc thiểu số.

### **1. Đặt vấn đề**

Trong những năm qua, giáo dục hướng nghiệp (GDHN), phân luồng (PL) học sinh (HS) sau trung học cơ sở (THCS) luôn nhận được sự quan tâm rất lớn của các cấp quản lý, các nhà trường, của phụ huynh HS và cả xã hội. Bằng các giải pháp quyết liệt, giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS đã có một số chuyển biến theo chiều hướng tích cực, đặc biệt là HS vùng thành phố, thị xã, đồng bằng. Tuy nhiên, với HS tại 5 huyện vùng núi cao của tỉnh Nghệ An (Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Châu), chất lượng GDHN, PL HS đang có nhiều bất cập, nhất là việc các em không chịu tiếp tục học lên trung học phổ thông (THPT), hay đi học nghề sau tốt nghiệp THCS mà bỏ học, tham gia vào thị trường lao động ngay, đã gây tác động không tốt về sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) tại địa phương nói chung, cũng như gây tác động tiêu cực tới đời sống an sinh xã hội của đồng bào miền núi nói riêng.

Vì vậy, làm tốt GDHN, PL cho HS sau THCS ở các huyện vùng cao sẽ góp phần nâng cao nguồn nhân lực địa phương, thúc đẩy phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa miền núi và miền xuôi, hạn chế được vấn đề di cư tự do, xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh quốc phòng vùng biên giới, phát triển KT-XH miền Tây - Nghệ An một cách bền vững, thực hiện tốt việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh nhà.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả GDHN, PL HS sau THCS tại các huyện vùng núi cao tỉnh Nghệ An còn thấp nhưng nguyên nhân chính vẫn do hoạt động GDHN tại các địa phương đạt hiệu quả chưa cao. Để khắc phục nội dung trên, một trong những nhiệm vụ quan trọng là phải thực hiện tốt GDHN phù hợp với đặc điểm tình hình tại địa bàn các huyện vùng núi cao.

Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi tập trung phân tích thực trạng vấn đề GDHN, PL HS sau THCS trên địa bàn các huyện vùng núi cao của tỉnh Nghệ An, giúp các cấp quản lý giáo dục có cách nhìn nhận vấn đề này một cách tổng quát và toàn diện, từ đó có các giải pháp góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, nâng cao hiệu quả giáo dục miền núi nói chung và GDHN, PL HS nói riêng.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Khái niệm hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong giáo dục**

Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội (Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2019).

PL trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để HS tốt nghiệp THCS, trung học phổ thông (THPT) tiếp tục học ở cấp học, bậc học cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước (Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2019).

### **2.2. Cơ sở pháp lý của giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh**

Giáo dục HN, PL HS đã được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo. Ngày 5/1/2012, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU trong đó nêu rõ “đến năm 2020 phần đầu có ít nhất 30% số HS tốt nghiệp THCS đi học nghề”. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định mục tiêu cụ thể đối với giáo dục phổ thông là “... Bảo đảm cho HS có trình độ THCS (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu PL mạnh sau THCS; THPT phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Chương trình phổ thông năm 2018 được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT xác định “cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp HS làm chủ kiến thức phổ thông, ... có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, ... đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại”. Đề án về giáo dục hướng nghiệp và định hướng PL HS trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025, được ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 nêu rõ mục tiêu “...tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ giáo dục PL HS sau THCS và THPT vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước và địa phương, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế” (Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2014). Công văn số 3992/BGDĐT-GDDT ngày 5/9/2019 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục dân tộc năm học 2019-2020 chỉ rõ: “cung cấp thông tin về tình hình phát triển KT-XH địa phương, nhu cầu thị trường lao động, nhằm giúp cho HS sau tốt nghiệp THCS, tốt nghiệp THPT có thể lựa chọn học ngành, nghề phù hợp với năng lực, sở trường cá nhân và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, địa phương” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019).

Những văn bản pháp lý trên, tiếp tục cho thấy công tác hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh trung học đã, đang và sẽ là một nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

### **2.3. Thực trạng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS sau THCS ở các huyện vùng núi cao tỉnh Nghệ An**

#### *2.3.1. Kết quả*

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất nước với hơn 1600 km<sup>2</sup>, 21 đơn vị hành chính cấp huyện với 11 huyện vùng núi trong đó có 5 huyện vùng núi cao. Dân số tỉnh Nghệ An năm 2019 đạt 3,337 triệu người; lực lượng lao động có gần 2 triệu người, đứng thứ 4 cả nước, hàng năm bổ sung hơn 30 nghìn người và đang ở trong thời kỳ “dân số vàng”. Đây là lợi thế về nguồn lao động dồi dào nhưng cũng là thách thức khi giải quyết việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên “chất lượng nguồn lao động thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ chiếm 21%, trong đó tỷ lệ này ở các huyện miền núi chỉ khoảng 12%. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động đang còn chậm; lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản là 897 nghìn người, chiếm tỷ lệ 47,73%; lao động công nghiệp, xây dựng khoảng 422 nghìn người, chiếm 22,47% và dịch vụ tương ứng là 560 nghìn người, chiếm 29,8%” (Cục Thống kê Nghệ An, 2019). Toàn tỉnh có 1.592 trường học, với gần 53 ngàn giáo viên, hơn 807 ngàn HS các cấp. Với 5 huyện vùng núi cao, có 262 trường, 7.427 giáo viên, 93 ngàn HS các cấp, trong đó có 71 trường THCS, với số HS lớp 9 hàng năm khoảng 5.000 em (Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An, 2019).

Nghệ An luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện GDHN, PL HS. Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản: Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 25/4/2016 của Tỉnh ủy về Tăng cường, lãnh đạo thực hiện giáo dục PL, HN, dạy nghề trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3010/QĐ-UBND.VX ngày 15/7/2015 của UBND tỉnh về Kế hoạch PL, HN, dạy nghề HS sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An luôn xác định đây là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục phổ thông nói chung, chất lượng giáo dục miền núi nói riêng, góp phần thúc đẩy KT-XH vùng đồng bào DTTS. Thực hiện tốt việc này cũng sẽ nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nghề; xây dựng nguồn nhân lực cho địa phương, theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; tạo cơ hội thuận lợi cho mỗi người lao động không ngừng phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường của cá nhân.

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020, chúng tôi thấy:

Về quy mô toàn tỉnh: Năm học 2017-2018, HS tốt nghiệp THCS là 44.884 em, tỷ lệ vào học THPT trên 75%; học GDNN-GDTX và nghề khoảng 7,9%; tham gia vào thị trường lao động khoảng 17,1%. Đến năm học 2019-2020, HS tốt nghiệp THCS là 44.605 em, tỷ lệ vào học THPT trên 74,7%; học GDNN-GDTX và nghề khoảng 8,7%; tham gia vào thị trường lao động khoảng 16,6% (Bảng 1).

Đối với 5 huyện vùng núi cao: Năm học 2017-2018, HS tốt nghiệp THCS là 4.908 em, tỷ lệ vào học THPT trên 54,4%; học GDNN-GDTX và nghề khoảng 5,4%; tham gia vào thị trường lao động khoảng 40,1%. Đến năm học 2019-2020, HS tốt nghiệp THCS là 5.429 em, tỷ lệ vào học THPT trên 55,1%; học GDNN-GDTX và nghề khoảng 6%; tham gia vào thị trường lao động khoảng 38,8% (Bảng 2).

**Bảng 1: Thống kê số liệu PLHS sau THCS toàn tỉnh Nghệ An**

Đơn vị: Toàn tỉnh	PL HS sau THCS năm học 2017-2018						PL HS sau THCS năm học 2019-2020							
	Tổng số HS TN lớp 9	HS tốt nghiệp THCS vào học THPT		HS tốt nghiệp THCS vào học GDNN-GDTX + học nghề		HS tốt nghiệp THCS tham gia vào thị trường lao động		Tổng số	HS tốt nghiệp THCS vào học THPT		HS tốt nghiệp THCS vào học GDNN-GDTX + học nghề		HS tốt nghiệp THCS tham gia vào thị trường lao động	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
<b>CỘNG</b>	<b>44.884</b>	<b>33.663</b>	<b>75,0</b>	<b>3.546</b>	<b>7,9</b>	<b>7.675</b>	<b>17,1</b>	<b>44.605</b>	<b>33.334</b>	<b>74,7</b>	<b>3.874</b>	<b>8,7</b>	<b>7.397</b>	<b>16,6</b>

(Nguồn: Báo cáo Kế hoạch phát triển giáo dục từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020 của Sở GD&ĐT Nghệ An)

**Bảng 2: Thống kê số liệu PLHS sau THCS 5 huyện vùng núi cao**

TT	Đơn vị	PL HS sau THCS năm học 2017-2018						PL HS sau THCS năm học 2019-2020							
		Tổng số	HS tốt nghiệp THCS vào học THPT		HS tốt nghiệp THCS vào học GDNN-GDTX + học nghề		HS tốt nghiệp THCS tham gia vào thị trường lao động		Tổng số	HS tốt nghiệp THCS vào học THPT		HS tốt nghiệp THCS vào học GDNN-GDTX + học nghề		HS tốt nghiệp THCS tham gia vào thị trường lao động	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Con Cuông	898	593	66,0	62	6,9	242	26,9	1.002	645	64,4	72	7,2	285	28,4
2	Kỳ Sơn	1.160	474	40,9	135	11,6	551	47,5	1.290	585	45,3	146	11,3	559	43,3
3	Quê Phong	1.023	605	59,1	22	2,2	396	38,7	1.134	588	51,9	45	4,0	501	44,2

4	Quý Châu	860	539	62,7	11	1,3	310	36,0	937	546	58,3	21	2,2	370	39,5
5	Tuon Dương	967	461	47,7	36	3,7	470	48,6	1.066	630	59,1	42	3,9	394	37,0
<b>CỘNG</b>		<b>4.908</b>	<b>2.672</b>	<b>54,4</b>	<b>266</b>	<b>5,4</b>	<b>1.969</b>	<b>40,1</b>	<b>5.429</b>	<b>2.994</b>	<b>55,1</b>	<b>326</b>	<b>6,0</b>	<b>2.109</b>	<b>38,8</b>

(Nguồn: Báo cáo Kế hoạch phát triển giáo dục từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020 của Sở GD&ĐT Nghệ An)

Từ kết quả trên có thể thấy GDHN, PL HS sau THCS của các huyện vùng núi cao chuyển biến rất chậm. Tỷ lệ HS sau THCS không học lên THPT rất thấp so với chỉ tiêu đề ra và tăng rất ít từ 54,4% năm học 2017-2018 lên 55,1% năm học 2019-2020; việc đi học GDDN-GDTX và học nghề cũng chỉ tăng từ 5,4% của năm học 2017-2018 lên 6% đối với năm học 2019-2020. Một con số đáng báo động là số HS nghỉ học sau khi tốt nghiệp THCS để tham gia vào thị trường lao động hàng năm xấp xỉ 40%. Việc số lượng lớn thanh niên HS các huyện vùng núi cao tỉnh Nghệ An tham gia ngay vào thị trường lao động nhưng kiến thức văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu và không được đào tạo nghề đã gây tác động không tốt đối với sự phát triển KT-XH của địa phương nói chung và sự ổn định xã hội nói riêng; ảnh hưởng đến tính hiệu quả của chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc của Đảng và Nhà nước.

### 2.3.2. Nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS tại các huyện vùng núi cao tỉnh Nghệ An

Kết quả GDHN, PL đối với HS sau THCS các huyện vùng núi cao tỉnh Nghệ An đạt thấp, diễn ra trong nhiều năm liền, đòi hỏi ngành giáo dục phải chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương tích cực nghiên cứu tìm các giải pháp phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực của tỉnh nói chung và miền núi nói riêng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, qua đánh giá chúng tôi thấy có các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo còn chồng chéo, thiếu sự thống nhất giữa quản lý, chỉ đạo trong GDHN, PL HS. Một số mô hình giáo dục phù hợp với địa bàn miền núi như vừa học văn hóa vừa học nghề trong trường THCS, THPT chưa có cơ chế triển khai. Nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên trên địa bàn chưa đầy đủ. Cơ chế khuyến khích đối với HS miền núi đi học nghề vẫn còn bất cập.

- Quy hoạch nguồn nhân lực cho địa bàn các huyện miền núi cao chưa phù hợp với thực tiễn, việc xác định trình độ được đào tạo nghề chưa phù hợp, còn tập trung vào các nghề giản đơn, đào tạo ngắn hạn, hỗ trợ sau đào tạo hiệu quả còn thấp.

- Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của phụ huynh, HS hiện nay về vấn đề GDHN, PL HS sau THCS còn hạn chế. Một bộ phận lớn phụ huynh và HS vùng núi cao không coi trọng việc học lên THPT hay đi học nghề, chưa quan tâm tới định hướng nghề nghiệp tương lai, lối tư duy sống bám vào núi rừng hoặc du canh du cư vẫn còn nặng nề. Một bộ phận không nhỏ đồng bào vẫn quan niệm chỉ cần có sức khỏe và

công cụ lao động là có thể sống được, còn yếu tố trình độ văn hóa và đào tạo nghề nghiệp chưa được coi trọng.

- Hoạt động tư vấn, GDHN, PL HS vẫn còn yếu, chưa xây dựng được chương trình GDHN phù hợp với đặc điểm KT-XH địa phương; đội ngũ giáo viên làm công tác HN PL chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Sự phối kết hợp, liên kết giữa các trường THCS và cơ sở GDNN còn nhiều bất cập. Chất lượng đào tạo của các cơ sở GDNN trên địa bàn chất lượng chưa cao. Chính quyền các cấp vào cuộc chưa quyết liệt, sự phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn để đẩy mạnh GDHN, PL hiệu quả còn thấp; yêu cầu tuyển dụng của một số doanh nghiệp chưa phù hợp với địa bàn vùng đồng bào DTTS.

#### **2.4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở tại các huyện vùng núi cao tỉnh Nghệ An**

##### **2.4.1. Làm tốt giáo dục truyền thông để nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng**

Xây dựng kế hoạch truyền thông về giáo dục GDHN, PL HS phù hợp với đặc điểm phụ huynh HS chủ yếu là đồng bào DTTS; đa dạng hóa nội dung, hình thức, cách thức triển khai khi thực hiện. Đẩy mạnh tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDHN, PL HS sau THCS gắn với giáo dục xóa đói, giảm nghèo, và các cơ chế chính sách phát triển đối với đồng bào dân tộc. Nâng cao nhận thức cho cấp ủy, chính quyền các cấp, phụ huynh HS và toàn xã hội về định hướng GDNN, đào tạo nhân lực theo hướng gắn với việc làm và thu nhập. Thúc đẩy công tác hướng nghiệp từ gia đình, không để tình trạng các em chỉ được các thầy cô tư vấn, hướng nghiệp, còn gia đình thì thờ ơ, không có định hướng hoặc khuyến bảo các em hàng ngày về nghề nghiệp tương lai.

##### **2.4.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp tại địa phương**

Tập trung tư vấn HN, định hướng nghề nghiệp đối với thanh niên từ 14 đến 18 tuổi trong và ngoài trường học; nâng cao chất lượng đào tạo nghề từ 3 tháng đến trình độ trung cấp cho HS tốt nghiệp THCS; khuyến khích đào tạo chương trình cao đẳng cho HS tốt nghiệp THCS theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Xác định nguyên tắc đào tạo theo nhu cầu, đào tạo theo địa chỉ; công bố tỷ lệ HS học xong có việc làm. Địa phương và các đơn vị đào tạo nghề công bố danh sách doanh nghiệp, đơn vị là đối tác chiến lược ổn định lâu dài trong việc tiếp nhận nguồn nhân lực qua đào tạo. Tổ chức phù hợp, linh hoạt, đa dạng, phong phú các hình thức tư vấn HN; cập nhật nhanh chóng và cung cấp thường xuyên, kịp thời thông tin về các cơ sở GDNN, chính sách đối với người học, chính sách ưu đãi, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động gắn với địa bàn vùng núi, địa phương và cả nước.

##### **2.4.3. Bổ sung, hoàn thiện chính sách về giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh vùng núi cao**

Bổ sung hoàn thiện các chính sách về GDHN đối với HS vùng núi cao gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu, đề án phát triển vùng đồng bào DTTS. Trong đó xây dựng cơ chế chính sách huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp vào việc đổi mới chương trình đào tạo, tuyển dụng lao động ở các cơ sở đào tạo nghề; mở

rộng những hình thức liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở đào tạo để tiến hành đào tạo theo hợp đồng “trộn gói”; các doanh nghiệp có thể đăng ký đỡ đầu hoặc phối hợp với các cơ sở GDNN trong việc tư vấn HN, đào tạo nhân lực và tiếp nhận HS sau tốt nghiệp.

Rà soát, bổ sung để xây dựng cơ chế, chính sách đối với GDHN có tính mở, năng động, hấp dẫn, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho người học, người dạy và người sử dụng lao động. Chính sách đó được thể hiện qua mức giảm học phí, hay học phí thấp, hỗ trợ chi phí sinh hoạt; hỗ trợ điều kiện tạo và tìm việc làm; chính sách thuế, chính sách lương, phụ cấp, vay vốn... Tất cả các cơ chế, chính sách phải hướng tới lợi ích cho người học, người dạy và người sử dụng lao động, từ đó họ tự nguyện, tích cực tham gia vào quá trình HN, PL.

#### *2.4.4. Tăng cường đầu tư các nguồn lực cho giáo dục hướng nghiệp, phân luồng*

Tăng cường đầu tư nguồn lực cho các cơ sở GDNN, các trung tâm GDNN-GDTX theo hướng nâng cao năng lực đào tạo phù hợp với đặc điểm KT-XH vùng đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho con em đồng bào dân tộc theo học. Khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa để các cơ sở GDNN tham gia xây dựng chương trình, tài liệu GDHN và cử giáo viên phối hợp thực hiện GDHN trong trường THCS. Tích cực tổ chức nhiều hoạt động giao lưu giữa các cơ sở GDNN với HS các trường THCS để giới thiệu, quảng bá về GDNN, giúp các em HS hiểu rõ khả năng bản thân, điều kiện gia đình và biết cụ thể hơn về các nghề nghiệp trong việc lựa chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp; có nhận thức đúng và đăng ký tham gia giáo dục nghề nghiệp.

#### *2.4.5. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề để thúc đẩy giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh*

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, tăng qui mô và hình thức đào tạo ở các trường chuyên nghiệp, các trung tâm GDNN-GDTX, các trường THPT trong tỉnh với các ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội và địa phương. Phối hợp với các cơ sở GDNN tổ chức mô hình vừa học nghề, vừa học văn hóa tại các trường THPT trên địa bàn (gắn với việc thực hiện chương trình nhà trường, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động khởi nghiệp). Tiếp tục xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ sở GDNN với các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề, gắn dạy nghề với thị trường lao động và việc làm. Tăng cường huy động sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả GDHN đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

### **3. Kết luận**

Giáo dục hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh tại địa bàn vùng núi cao tỉnh Nghệ An tiếp tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng không chỉ riêng của ngành Giáo dục mà còn là nhiệm vụ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong thời gian tới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS ở các huyện vùng núi cao xuất phát từ thực trạng chất lượng giáo dục và đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào DTTS, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp từ thay đổi tư duy nhận thức đến các hành động cụ thể. Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ tạo nên động lực góp phần thực hiện thành công Chương trình mục

tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi mà Quốc hội vừa thông qua.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết số 29 NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Công văn số 3992/BGDĐT-GDDT, ngày 5/9/2019 về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục dân tộc năm học 2019-2020.*
- Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018). *Đề án của Chính phủ về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025.*
- Cục Thống kê tỉnh Nghệ An (2019). *Báo cáo số KT-XH Nghệ An năm 2019.*
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Nghị quyết số 88/2014/QH13.*
- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019). *Luật Giáo dục 2019.*
- Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An (2019). *Công văn số 1840/HD-SGD&ĐT-VP, ngày 7/10/2019 về việc hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ giáo dục năm học 2019-2020.*
- Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An (2019). *Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019.*
- Tỉnh ủy Nghệ An (2016). *Chỉ thị 04-CT/TU ngày 25/4/2016 của Tỉnh ủy Nghệ An về tăng cường lãnh đạo thực hiện giáo dục phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục đào tạo nghề học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020.*
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2015). *Kế hoạch phân luồng, hướng nghiệp, dạy nghề học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020 kèm theo Quyết định 3010/QĐ.UBND.VX của UBND tỉnh Nghệ An ngày 15/7/2015.*



## **SUMMARY**

### **IMPROVING THE EFFECTIVENESS OF VOCATIONAL EDUCATION STREAMING STUDENTS AFTER JUNIOR SECONDARY SCHOOL IN HIGHLAND DISTRICTS OF NGHE AN PROVINCE**

Vocational education and streaming junior secondary students always draw great attention of managers, schools, parents, and the society as a whole, especially those in highland areas. A good implementation of this content plays an essential role in creating a breakthrough in the quality of general education and that of education in highland areas in particular. This contributes to promoting socio-economy in ethnic minority areas, which limits free migration, reduces poverty, stabilizes national security, firmly protects sovereignty and border security; improves the quality of local human resources according to the requirements of economic restructuring in the process of national industrialization-modernization and international integration; and creates favorable opportunities for each employee to constantly develop careers in accordance with the individual capacity and strengths.

**Keywords:** Vocational education; streaming; students; highly mountainous.